

Bản án số: 26/2024/DS-PT
Ngày: 21-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Phương;
Ông Lê Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L; địa chỉ: khu phố B, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: khu phố C, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phùng Thế Phú Q; địa chỉ: thôn A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trương Trần Lan H; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Bà L cho bà T vay số tiền 1.400.000.000 đồng, hình thức cho vay tiền bằng chuyển khoản, cụ thể bà Lê c từ số tài khoản của bà Lê 5 mở tại Ngân hàng B sang

tài khoản của bà Thương số 0771000576336 mở tại Ngân hàng V với số tiền như sau:

- Ngày 30/6/2023 chuyển 200.000.000 đồng;
- Ngày 10/7/2023 chuyển 03 lần tổng cộng 800.000.000 đồng;
- Ngày 11/7/2023 chuyển 02 lần tổng cộng 400.000.000 đồng.

Theo thoả thuận miệng, bà L cho bà T mượn số tiền trên đến ngày 14/7/2023 nhưng khi đến hạn thì bà T không trả nên ngày 18/7/2023, bà T viết giấy mượn tiền, theo đó bà T xác nhận còn nợ bà L số tiền 1.400.000.000 đồng và hẹn thời hạn 02 tháng từ ngày 18/7/2023 đến ngày 18/9/2023 sẽ trả nợ cho bà L. Tuy nhiên, đến thời hạn cam kết trả nợ bà T vẫn không trả cho bà L mà chỉ trả được số tiền 23.000.000 đồng, số tiền còn lại mặc dù bà L đã nhiều lần đòi nhưng bà T cố tình né tránh việc trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.377.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án 26/02/2024 đến ngày xét xử 06/6/2024: $1.377.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 102 \text{ ngày} = 38.480.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà T phải trả cho bà L là 1.415.480.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà T và bà Lê l bạn bè cùng góp vốn làm ăn chung với nhau. Vì vậy, bà L đã dùng số tài khoản cá nhân chuyển vào tài khoản cá nhân của bà T số tiền 1.400.000.000 đồng, mục đích cho bà Trương Trần Lan H vay số tiền 1.500.000.000 đồng để bà H vay đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó bà L đã dùng nhiều thủ đoạn như tin nhắn, thuê xã hội đen đến nhà và nơi bà T làm việc để đe dọa. Vào ngày 18/7/2023, bà Lê t xã hội đen bắt bà T phải viết giấy mượn tiền 1.400.000.000 đồng, thời hạn trả 02 tháng từ ngày 18/7/2023 đến ngày 18/9/2023. Như vậy, từ góp vốn làm ăn chung, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc, cùng hưởng lợi và chịu trách nhiệm, nhưng bà Lê l dùng thủ đoạn để ép buộc bà T phải viết giấy mượn tiền để khởi kiện bà T là trái với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét một cách khách quan để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà T. Vì vậy, bà T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà T phải trả số tiền gốc và lãi theo như bà L đã yêu cầu. Bà T giao nộp 21 bản tin nhắn; 02 USB và yêu cầu Tòa án đưa bà Trương Trần Lan H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lý do yêu cầu: Bà T và bà Nguyễn Thị Hồng L là chỗ bạn bè cùng góp vốn làm ăn chung với nhau nên bà Lê c vào tài khoản của bà T số tiền 1.400.000.000 đồng, mục đích cho bà Trương Trần Lan H vay số tiền 1.500.000.000 đồng để bà H đáo hạn Ngân hàng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25/4/2024, người làm chứng bà Trương Trần Lan H trình bày:

Ngày 18/7/2023, tại quán cà phê số E C, thành phố Đ, bà H có chứng kiến việc bà Lê đ cùng một số người đàn ông lạ mặt và ép bà T ký vào giấy mượn tiền.

Bản án sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của TAND thành phố Đông Hà quyết định:

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 1.415.480.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.377.000.000 đồng và tiền lãi là 38.480.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng L đã rút với số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 71.520.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Nội dung kháng cáo của đương sự: Ngày 20/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, lý do: lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn còn mâu thuẫn, chưa thống nhất được ai là người nhận tiền, vay tiền như thế nào trong tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc đối chất giữa các bên, chưa xác minh, bổ sung tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; 02 USB do bị đơn cung cấp Tòa án là có thật và đúng quy định tại khoản 1, 4 Điều 94; khoản 2 Điều 95 BLTTDS nhưng Tòa án không xem xét là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 1.415.480.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.377.000.000 đồng và tiền lãi là 38.480.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng L đã rút với số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 71.520.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 54.464.000 đồng án phí DSST và 300.000 đồng án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà L số tiền bà T đã vay của bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Về tính hợp pháp của kháng cáo: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 06/6/2024 thì ngày 20/6/2024 bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Như vậy, kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý để giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1]. Xem xét về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản:

Ngày 18/7/2023, bị đơn bà T xác nhận bằng giấy mượn tiền có vay của bà L số tiền 1.400.000.000 đồng, không lãi suất, kỳ hạn vay 2 tháng từ ngày 18/7/2023 đến ngày 18/9/2023. Hợp đồng vay được xác lập bằng văn bản, đảm bảo về nội dung và hình thức, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội.

Do đó, hợp đồng vay tài sản đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ ngày hợp đồng được xác lập.

[2.2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các giấy báo nợ của Ngân hàng B chi nhánh Q1 do bà Lê cung c1 thể hiện việc bà Lê c tổng cộng số tiền 1.400.000.000 đồng trong các ngày 30/6/2023, 10/7/2023 và 11/7/2023 từ tài khoản của bà Lê s tài khoản Ngân hàng V của bà T. Việc bà T thừa nhận nợ số tiền 1.400.000.000 đồng trong giấy mượn tiền ngày 18/7/2023 và biên bản thỏa thuận ngày 27/12/2023 là căn cứ để khẳng định việc bà T đã vay tiền của bà L số tiền 1.400.000.000 đồng. Đối với 02 USB bà T cung cấp cho Tòa án, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình, nhưng bà T đã không xuất trình trong thời hạn mà Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu cũng như tại phiên tòa.

Ngoài ra, bà T còn cung cấp 21 bản tin nhắn từ Z để cho rằng khoản tiền bà T nhận từ bà Lê l tiền cho bà Trương Trần Lan H vay số tiền 1.500.000.000 đồng để bà H đáo hạn Ngân hàng. Bà L và bà T có quan hệ làm ăn nên thua lỗ thì các bên cùng chịu. Xét thấy, các bản tin nhắn trên Zalo không thể hiện số tiền 1.400.000.000 đồng bà Lê c cho bà T là tiền để bà T chuyển cho bà H vay đáo hạn ngân hàng. Bà H được bà Thương yêu c2 đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, bản trình bày ý kiến của bà H chỉ thể hiện việc bà H cho rằng có nhìn thấy việc bà L đưa người đến quán cà phê của bà T uy hiếp bà T buộc bà T viết giấy vay tiền bà L; không có nội dung bà H nhận tiền từ bà Lê h bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận số tiền 1.400.000.000 đồng còn nợ bà L chưa trả, bị đơn đồng ý trả khoản nợ gốc còn lại, xin nguyên đơn miễn tiền lãi suất.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định giấy mượn tiền ngày 18/7/2023 và biên bản thỏa thuận ngày 27/12/2023 là căn cứ để khẳng định việc bà T đã vay của bà L số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng đến hạn không trả đầy đủ, chỉ mới trả được 23.000.000 đồng tiền nợ gốc. Do đó, bà L khởi kiện buộc bà T phải trả lại 1.377.000.000 đồng tiền nợ là có căn cứ.

[2.3]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi:

Giấy mượn tiền ngày 18/7/2023 không thỏa thuận về lãi suất vay. Biên bản thỏa thuận ngày 27/12/2023 bà L có đề cập đến tiền lãi nhưng bà T chỉ xác nhận tiền nợ gốc, không nhắc đến lãi. Vì vậy, hợp đồng cho vay của 2 bên không có thỏa thuận về lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Lê b bà T trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền nợ gốc từ ngày 26/02/2024 đến ngày xét xử 06/6/2024 (102 ngày) với số tiền lãi 38.480.000 đồng (1.377.000.000 đồng x 10%: 365 x 102) là có căn cứ, cần

được chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc bà **Nguyễn Thị Thanh T** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng L** tổng số tiền 1.415.480.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*), trong đó nợ gốc: 1.377.000.000 đồng, nợ lãi: 38.480.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 18/7/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bà **Nguyễn Thị Hồng L** đã rút với số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 71.520.000 đồng.

2. Về án phí:

- Về án phí phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000402 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Bà **T** đã nộp đủ.

- Về án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 54.464.000 đồng (*Năm mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Thị Hồng L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.395.000 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000196 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND thành phố Đông Hà;
- CCTHADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSPA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung